TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Số: **345**/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** _____ *Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2024 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khổng Thị Ánh N , sinh năm 1991

- Bị đơn: Anh Lê Việt B , sinh năm 1983

Cùng HKTT: Số T, quận H, thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: Phòng D, tòa E, chung cư T, phường P, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 08 năm 2024;

XÉT THẤY

Chị Khổng Thị Ánh N và anh Lê Việt B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/8/2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2011, quyển số 01/2011) tại Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/08/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: ***Chị Khổng Thị Ánh N và anh Lê Việt B .***

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung:*** Anh chị có 02 con chung là Lê N Bảo V, sinh ngày 27/9/2012 và Lê N Mai A, sinh ngày 29/8/2015; Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để anh Lê Việt B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê N Bảo V và Lê N Mai A. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Khổng Thị Ánh N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- ***Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:*** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

- Về tài sản chung:

+ Động sản: Anh chị đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

+ Bất động sản: Anh chị đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

- Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Khổng Thị Ánh N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0018928 ngày 12 tháng 08 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn lại chị Khổng Thị Ánh N tự nguyện nộp sung quỹ Nhà nước.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- *VKSDN quận Long Biên;*
- *UBND phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh